

Số: *09*/2026/TT-BNG

Hà Nội, ngày *30* tháng *06* năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài chính, ngân sách,
tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi
thường xuyên ngân sách nhà nước của Bộ Ngoại giao**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 166/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 171/2024/NĐ-CP, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản trị Tài vụ;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bộ Ngoại giao.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Bộ Ngoại giao.

b) Thông tư này không điều chỉnh các nội dung đã được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị tại khoản 2 Điều này.

c) Nội dung về thẩm quyền quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước không được quy định trong Thông tư này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Bộ Ngoại giao (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh); các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ được Bộ Ngoại giao giao hoặc đặt hàng.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp và quy định chung

1. Đảm bảo sự quản lý thống nhất, toàn diện; phù hợp với các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung trong lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

2. Bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn của các đơn vị, đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện; phân định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Tổ chức, cá nhân được phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, thẩm quyền mà mình được phân cấp, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp; có thể lấy ý kiến của các đơn vị liên quan thuộc Bộ Ngoại giao trong quá trình thực hiện nhiệm vụ (nếu cần), không ảnh hưởng đến tiến độ, thời hạn giải quyết nhiệm vụ được giao.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chỉnh

việc phân cấp một số nội dung cụ thể khác với Thông tư này.

4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định tạm dừng việc thực hiện thẩm quyền đã phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi trong chính sách, pháp luật liên quan đến phân cấp thẩm quyền, cần thời gian nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh.

b) Việc thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp không mang lại hiệu lực, hiệu quả.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Các đơn vị sử dụng ngân sách gồm: Cục Quản trị Tài vụ; Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban Biên giới quốc gia; Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài và các đơn vị sử dụng ngân sách trong nước khác (nếu có).

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao gồm: Học viện Ngoại giao; Cục Phục vụ Ngoại giao đoàn; Trung tâm Vận tải đối ngoại V75; Báo Thế giới và Việt Nam.

3. Khối Văn phòng Bộ là các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 19 Điều 3 Nghị định số 28/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.

4. Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị theo Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước là nhiệm vụ không có cấu phần xây dựng, bao gồm mua sắm để bổ sung, thay mới, hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp máy móc, trang thiết bị làm việc để phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.

5. Nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo Nghị định số 104/2026/NĐ-CP là nhiệm vụ có cấu phần xây dựng, bao gồm sửa chữa để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình xây dựng, trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất đã có của các cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan, bao gồm cả phần mua tài sản, trang thiết bị gắn với công trình xây dựng.

6. Nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 104/2026/NĐ-CP là việc cơ quan, đơn vị thực hiện thuê tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan, đơn vị thuê trong một thời hạn nhất định hoặc sử dụng không thường xuyên nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quản lý tài chính, ngân sách

1. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách

a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 5 tỷ đồng/nhiệm vụ.

b) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến chi phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị có tổng dự kiến chi phí thực hiện dưới 5 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trực thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện theo nội dung phân cấp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công

1. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách

a) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; khoán kinh phí sử dụng tài sản khác theo quy định.

b) Quyết định khai thác tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) (trừ tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô).

d) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô).

đ) Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô Lễ tân Nhà nước).

e) Quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng.

g) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh hoặc phục vụ hoạt động chung trong trường hợp cần thiết để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

h) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội

trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

i) Quyết định điều chỉnh giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

k) Quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

l) Quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục D phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số.

m) Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã quy định hoặc trình cấp có thẩm quyền quy định).

n) Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng.

o) Quyết định xử lý, phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý hoặc bán đối với vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án.

p) Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

q) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu toàn dân cho nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP theo quy định.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao

a) Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung; khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác theo quy định.

b) Quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia

dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

c) Quyết định điều chuyển hoặc bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án.

d) Quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê.

đ) Quyết định thu hồi tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

e) Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

g) Quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng.

h) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh hoặc phục vụ hoạt động chung trong trường hợp cần thiết để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

i) Quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

k) Quyết định điều chỉnh giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

l) Quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

m) Quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục D phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên môi trường số.

n) Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp Bộ quản lý ngành, lĩnh vực đã quy định hoặc trình cấp có thẩm quyền quy định).

o) Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng; diện tích công trình sự nghiệp khác gồm: diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, thể

thao và du lịch, thông tin, truyền thông, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ngoại giao, nông nghiệp và môi trường và các lĩnh vực khác.

p) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu toàn dân cho nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

q) Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

Ngoài thẩm quyền được phân cấp quy định tại khoản 2 Điều này, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên có thẩm quyền:

a) Quyết định khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

b) Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy hoặc xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

Ngoài thẩm quyền được phân cấp quy định tại khoản 2 Điều này, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên có thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy hoặc xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị.

5. Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

a) Quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

b) Quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến của Cục Quản trị Tài vụ.

c) Quyết định bán, thanh lý xe ô tô và phương tiện vận tải khác; thanh lý máy móc, thiết bị và tài sản khác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

d) Quyết định mức giá trần thiết bị sinh hoạt và giá trần máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến áp dụng cho từng địa bàn.

đ) Quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và phương tiện vận tải khác của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

e) Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; trường hợp, Thông

tư trên chưa có quy định hoặc không quy định, Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định đổi nhà thuê hoặc gia hạn hợp đồng thuê, nhà ở, nhà riêng Đại sứ khi giá thuê mới tăng so với giá thuê cũ không quá 10%; và quyết định việc bồi thường hoặc sửa chữa do trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở, nhà riêng Đại sứ bị hư hỏng phát sinh trong quá trình sử dụng trên cơ sở hợp đồng thuê.

g) Quyết định việc thuê xe ô tô, phương tiện vận tải khác; thuê máy móc, thiết bị và tài sản khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và nguồn kinh phí được phép sử dụng bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

h) Quyết định việc trang bị, mua sắm: máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 171/2024/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 166/2017/NĐ-CP) bảo đảm không vượt mức giá trần theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP; máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cần thiết khác ngoài máy móc, thiết bị tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 166/2017/NĐ-CP; thiết bị sinh hoạt quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP bảo đảm không vượt mức giá trần theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP; thiết bị sinh hoạt cần thiết khác ngoài thiết bị sinh hoạt quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 166/2017/NĐ-CP; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP; tài sản khác theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 166/2017/NĐ-CP.

i) Quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng; mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng.

k) Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cụ thể của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài sau khi có ý kiến của Cục Quản trị Tài vụ.

l) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản, thực trạng tài sản hiện có, tình hình thực hiện nhiệm vụ của bộ phận biệt phái, cơ quan đại diện, Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định phương án phân chia tài sản hiện có của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cho bộ phận biệt phái, phân công trách nhiệm xử lý các tài sản trong quá trình xử lý cho bộ phận biệt phái (nếu có).

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách

a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số cần bổ sung, thay mới hoặc sửa chữa, cải tạo nâng cấp tài sản, trang thiết bị có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 5 tỷ đồng/nhiệm vụ làm cơ sở lập dự toán hằng năm.

b) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thuê hàng hóa, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin có tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 5 tỷ đồng/nhiệm vụ làm cơ sở lập dự toán

hàng năm.

c) Sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, mua sắm hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu do tổ chức, đơn vị tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân thiết kế, xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng để thiết lập, hình thành hệ thống nhằm mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 5 tỷ đồng/nhiệm vụ.

d) Sau khi được phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường tổng dự kiến kinh phí thực hiện dưới 5 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trực thuộc Bộ Ngoại giao

a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

b) Quyết định phê duyệt dự án thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

c) Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, đơn vị và người đứng đầu các tổ chức, đơn vị

1. Cục Quản trị Tài vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quản lý thống nhất về công tác quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công của các đơn vị thuộc Bộ.

b) Tổng hợp phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí hoặc dự kiến chi phí theo thẩm quyền được phân cấp tại khoản 1 Điều 4, chủ trương và dự kiến kinh phí theo thẩm quyền được phân cấp tại khoản 1 Điều 6 trên cơ sở dự kiến kinh phí hoặc chi phí và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt tại khoản 5 Điều này.

c) Theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung đã phân cấp tại Thông tư này và đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, điều chỉnh, bổ sung hoặc tạm dừng quy định về phân cấp thẩm quyền đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và trình độ quản lý, khả năng, điều kiện thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị được phân cấp.

d) Định kỳ 6 tháng/1 lần (chậm nhất vào ngày 10/01 và 10/07 của kỳ báo cáo) hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ ngoại giao tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Khối Văn phòng Bộ xây dựng Quy trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp.

2. Cục Cơ yếu – Công nghệ thông tin

a) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quản lý thống nhất về giải pháp kỹ thuật, công nghệ và tính đồng bộ của các hoạt động đầu tư, mua sắm ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các

đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao.

b) Tham gia ý kiến về nội dung chuyên môn, kỹ thuật đối với các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, là cơ sở để các đơn vị chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí/chi phí thực hiện tại các thời điểm lập dự toán, phân bổ dự toán hằng năm, cũng như điều chỉnh, bổ sung kinh phí trong năm.

c) Chủ trì tổng hợp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ đầu tư, mua sắm ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, là cơ sở phục vụ công tác tổng hợp dự toán, phân bổ dự toán hằng năm, điều chỉnh, bổ sung kinh phí trong năm.

3. Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế

Thông tin kịp thời cho Cục Quản trị Tài vụ khi có sự thay đổi trong chính sách, pháp luật liên quan đến phân cấp thẩm quyền để Cục Quản trị Tài vụ tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp thẩm quyền đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và yêu cầu công tác quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phân cấp

a) Thực hiện thẩm quyền được phân cấp tại Thông tư này theo đúng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục của pháp luật và của Bộ Ngoại giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp.

Đối với các nội dung trong việc quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài kiến nghị trên cơ sở quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm toàn diện về kiến nghị đó, Cục Quản trị Tài vụ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định.

b) Gửi báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng phụ trách, Cục trưởng Cục Quản trị Tài vụ các văn bản, quyết định về điều hành quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước sau khi ban hành theo thẩm quyền để theo dõi, quản lý.

c) Định kỳ 6 tháng/1 lần (chậm nhất vào ngày 05/01 và 05/07 của kỳ báo cáo) hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ ngoại giao (qua Cục Quản trị Tài vụ) về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

d) Kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (qua Cục Quản trị Tài vụ) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp cho phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của cơ quan, đơn vị.

5. Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Khối Văn phòng Bộ

a) Xây dựng, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tại thời điểm lập dự toán, phân bổ dự toán hằng năm, điều chỉnh, bổ sung kinh phí trong

năm đối với các nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện (kèm theo dự kiến kinh phí/chi phí cho các nhiệm vụ), là cơ sở để có thẩm quyền phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí hoặc chi phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

b) Phối hợp với Cục Quản trị Tài vụ xây dựng Quy trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp.

Chương III

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 8. Nguyên tắc kiểm tra, giám sát

1. Việc kiểm tra, giám sát không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng được kiểm tra, giám sát và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác. Cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát được yêu cầu đối tượng được kiểm tra, giám sát cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo trong trường hợp có phản ánh, kiến nghị, dấu hiệu bất thường hoặc khi thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

2. Đảm bảo không chồng chéo về nội dung, đối tượng, thời kỳ kiểm tra giữa các cơ quan, đơn vị, đảm bảo tính chủ động, kịp thời, công khai, dân chủ, khách quan, công tâm, thận trọng, chặt chẽ, chính xác; đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định.

3. Trường hợp cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát yêu cầu đối tượng được kiểm tra, giám sát cung cấp hồ sơ, tài liệu, báo cáo thì phải được lập thành Biên bản ghi nhận đầy đủ sự việc.

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm thì cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát có trách nhiệm kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nội dung kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành quy định của pháp luật và Bộ Ngoại giao đối với thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp trong các lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công và quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp theo quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Phương thức kiểm tra, giám sát

1. Phương thức kiểm tra:

a) Tự kiểm tra.

b) Kiểm tra định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật trong các lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

2. Phương thức giám sát:

a) Giám sát định kỳ theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Giám sát đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Điều 11. Thẩm quyền kiểm tra, giám sát

1. Thẩm quyền kiểm tra

a) Đối với phương thức tự kiểm tra

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp nhiệm vụ, thẩm quyền tự thực hiện.

b) Đối với phương thức kiểm tra định kỳ hằng năm hoặc đột xuất

Cục Quản trị Tài vụ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Thông tư này.

2. Thẩm quyền giám sát

Cục Quản trị Tài vụ giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng quy định về phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này hoặc thực hiện không đúng các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

b) Bồi thường một phần hoặc toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật.

c) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức không trực tiếp vi phạm nhưng để xảy ra tình trạng thực hiện không đúng quy định về phân cấp theo quy định tại Thông tư này thì bị xử lý như sau:

a) Có trách nhiệm giải trình theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân quản lý trực tiếp, cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

b) Tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm phản ánh về Bộ Ngoại giao (qua Cục Quản trị Tài vụ) để nghiên cứu giải quyết.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

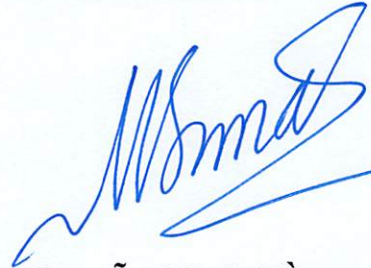
Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy

định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy trình, thủ tục đó; không phải điều chỉnh lại các quyết định đã ban hành trong trường hợp có sự thay đổi về thẩm quyền quyết định theo quy định tại Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao;
- Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Cổng Pháp luật quốc gia;
- Công báo;
- Lưu: HC, QTTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hằng